

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/BCTĐ-BTP

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm (lần 2)

Kính gửi: Bộ Y tế

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, theo đề nghị tại Công văn số 8806/BYT-QLD ngày 16/12/2025 của Bộ Y tế, trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ thẩm định, kết quả cuộc họp ngày 30/12/2025 của Hội đồng thẩm định¹, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm (lần 2)² (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

I. Về sự cần thiết ban hành Nghị định; phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị định

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm. Trước đó, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 quy định về quản lý mỹ phẩm, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2015/TT-BYT, Thông tư số 29/2020/TT-BYT và Thông tư số 34/2025/TT-BYT. Theo Tờ trình số 1767/TTr-BYT ngày 04/12/2025 (trang 02-03): “*Qua tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày*

¹ Hội đồng thẩm định được thành lập theo Quyết định số 3670/QĐ-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; được mời họp theo Giấy mời số 1371/GM-BTP ngày 25/12/2025 của Bộ Tư pháp. Tại cuộc họp thẩm định có mặt 17/23 thành viên; vắng mặt 06/23 thành viên (gồm đại diện: Văn phòng Chính phủ; Bộ Ngoại giao; Bộ Công an; Bộ Công Thương; Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam); trong đó, Bộ Ngoại giao đã có văn bản tham gia ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

² Ngày 03/10/2025, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 462/BCTĐ-BTP thẩm định dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm gửi Bộ Y tế. Bộ Y tế có Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định này (Báo cáo số 1765/BC-BYT ngày 04/12/2025) và Tờ trình Chính phủ số 1767/TTr-BYT ngày 04/12/2025 về dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long, Bộ Y tế đã có Công văn số 8806/BYT-QLD ngày 16/12/2025 đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định lại dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm.

01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm và các văn bản hướng dẫn có liên quan (Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011, Thông tư số 09/2015/TT-BYT, Thông tư số 29/2020/TT-BYT) cho thấy nhiều quy định hiện hành đã dần bộc lộ các bất cập, vướng mắc, chưa đáp ứng các yêu cầu thực tiễn đặt ra...”. Bên cạnh đó, tính đến thời điểm hiện tại, các văn bản pháp luật làm căn cứ, cơ sở pháp lý cho việc ban hành Nghị định số 93/2016/NĐ-CP và Thông tư số 06/2011/TT-BYT đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung, như: Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 thay thế Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật Đầu tư 2020 thay thế Luật Đầu tư năm 2014; Luật Đầu tư năm 2025 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026, thay thế Luật Đầu tư năm 2020); Luật số 70/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Luật số 78/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa... Do đó, các quy định tại Nghị định số 93/2016/NĐ-CP cần được rà soát, điều chỉnh cho thống nhất, đồng bộ.

Ngày 10/02/2025, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1009/VPCP-KGVX về đề nghị xây dựng Nghị định về quản lý mỹ phẩm, trong đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long có ý kiến như sau: “*Đồng ý với đề nghị của Bộ Y tế tại Tờ trình số 99/TTr-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2025. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan thực hiện việc xây dựng, ban hành Nghị định của Chính phủ về quản lý mỹ phẩm theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đề ra; trình Chính phủ trước ngày 30 tháng 9 năm 2025*”. Ngày 16/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg ban hành Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 150/QĐ-TTg về Đề án của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ có nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm (STT XVIII.16). Tại Mục I Tờ trình cũng đã nêu đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn ban hành Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm.

Với các lý do nêu trên, việc Bộ Y tế xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm để khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn và phù hợp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành (phải đảm bảo trong phạm vi thẩm quyền của Chính phủ) là cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ được giao.

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định

2.1. Theo mục IV.1.a Tờ trình số 1767/TTr-BYT (trang 04) và khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, “*Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về công bố sản phẩm mỹ phẩm, sản xuất mỹ phẩm tại Việt Nam, quản lý sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu và cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do cho sản phẩm mỹ phẩm xuất khẩu, hồ sơ thông tin sản phẩm, ghi nhãn và quảng cáo mỹ phẩm, kiểm tra, giám sát an toàn, chất lượng mỹ phẩm và thu hồi sản phẩm mỹ phẩm vi phạm, tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm và quy định về hồ sơ, thủ tục, lưu trữ hồ sơ thực hiện trực tuyến...*”. Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy, việc quy định phạm vi điều chỉnh nêu trên được chỉnh lý, hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã nêu tại Báo cáo số 462/BCTĐ-BTP (mục I.1.a Báo cáo số 1765/BC-BYT). Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung của dự thảo Nghị định để hoàn thiện quy định về phạm vi điều chỉnh, đảm bảo bao quát đầy đủ và thống nhất với các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. Ví dụ: Chương VII dự thảo Nghị định quy định về kiểm tra, giám sát và bảo đảm an toàn, chất lượng sản phẩm mỹ phẩm nhưng tại khoản 1 Điều 1 Nghị định chưa quy định nội dung này.

2.2. Về đối tượng áp dụng, theo Tờ trình số 1767/TTr-BYT (trang 04) và Điều 1 dự thảo Nghị định, “*Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến sản phẩm mỹ phẩm tại Việt Nam*”. Theo Báo cáo số 1765/BC-BYT, việc bổ sung quy định đối tượng áp dụng đã được chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số 462/BCTĐ-BTP (mục I.1.b) là phù hợp, bảo đảm bao quát đối tượng áp dụng của Nghị định.

II. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị định với đường lối, chủ trương của Đảng

1. Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp không phát hiện dự thảo Nghị định có nội dung trái với đường lối, chủ trương của Đảng có liên quan đến lĩnh vực mỹ phẩm như: Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân³;...

Đối với các ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp nêu tại Báo cáo số 462/BCTĐ-BTP (mục II, trang 04-06), cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định hoặc có giải trình (và chịu trách nhiệm về vấn đề này).

³ “Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng môi trường sống, học tập, làm việc, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế” (mục III.2).

2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, nghiên cứu bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, trong đó có: (1) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới...; (2) Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 (về “có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp” và “đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực” - điểm 3.1 Điều 3); (3) đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3); và (iii) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

III. Về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật

1. Về tính hợp hiến

Qua rà soát, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp chưa phát hiện dự thảo Nghị định có nội dung trái Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15). Dự thảo Nghị định nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý trong quản lý mỹ phẩm, bảo đảm thể chế hóa quy định tại Hiến pháp: “*Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh*” (khoản 1 Điều 38); “*Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*” (Điều 33)...

2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật

Liên quan đến nội dung này, tại Báo cáo số 462/BCTĐ-BTP, Bộ Tư pháp đã có ý kiến cụ thể, chi tiết (mục III, trang 07-20). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để chỉnh lý, hoàn thiện hoặc giải trình các ý kiến thẩm định đã nêu tại Báo cáo này để Chính phủ xem xét, quyết định. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu thêm một số nội dung sau:

2.1. Liên quan đến Luật Chuyển đổi số

Dự thảo Nghị định có các quy định liên quan đến thực hiện, giải quyết TTHC trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia. Khoản 2 Điều 30 dự thảo Nghị định quy định: “*Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện trực tuyến giải quyết các thủ tục hành chính tương ứng với hồ sơ theo quy định tại Nghị định này trên Hệ thống điện tử về quản lý mỹ phẩm theo lộ trình quy định tại khoản 4 Điều 50 Nghị định này*”. Khoản 4 Điều 50 dự thảo Nghị định quy định: “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028, việc xử lý hồ sơ, công bố sản phẩm mỹ phẩm, thay đổi thông tin sản phẩm mỹ phẩm sau công bố, gia hạn hiệu lực Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm, thu hồi số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm được thực hiện tập trung từ Trung ương đến địa phương trên Hệ thống điện tử quản lý mỹ phẩm. Bộ Tài chính phối hợp Bộ Y tế triển khai xây dựng Hệ thống điện tử quản lý mỹ phẩm kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia để đảm bảo thực hiện quy định tại khoản này*”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 32 Luật Chuyển đổi số năm 2025 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026) quy định: “*Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến thống nhất, tập trung từ trung ương đến địa phương trên Cổng dịch vụ công quốc gia và ứng dụng định danh quốc gia*”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý các quy định liên quan đến Cổng Thông tin một cửa quốc gia, Hệ thống điện tử về quản lý mỹ phẩm cho phù hợp.

2.2. Liên quan đến Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo

Điều 44 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: “*1. Chủ trì hướng dẫn hoạt động quảng cáo sản phẩm mỹ phẩm trên các phương tiện quảng cáo theo quy định của pháp luật quảng cáo. 2. Chủ trì kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm về quảng cáo sản phẩm mỹ phẩm trên các phương tiện quảng cáo theo quy định của pháp luật quảng cáo. 3. Phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về nội dung quảng cáo đối với sản phẩm mỹ phẩm*”. Tuy nhiên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo. Điều 24 Nghị định này đã quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong lĩnh vực quảng cáo, như: “*1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật về hoạt động quảng cáo; xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch*

phát triển hoạt động quảng cáo, chính sách phát triển ngành công nghiệp quảng cáo; quy định hồ sơ, thủ tục xem xét việc tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo”; “8. Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo theo quy định của pháp luật”... Do đó, quy định tại Điều 44 dự thảo Nghị định là không cần thiết, có thể gây chồng chéo. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bỏ quy định này.

2.3. Liên quan đến pháp luật về quản lý ngoại thương

a) Một số quy định tại dự thảo Nghị định (như: Điều 11, Điều 23, Điều 25...) được xây dựng theo hướng dẫn chiếu đến Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. Tuy nhiên, hiện nay, Bộ Công Thương đang chủ trì xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, trong đó quy định một số nội dung mới. Ví dụ: (i) Khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định CFS đối với mỹ phẩm sản xuất tại nước ngoài phải có các thông tin theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP nhưng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP đã bỏ nội dung này và chuyển xuống cấp Bộ quy định; (ii) Khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định quy định: *“Sản phẩm mỹ phẩm đã được công bố thông tin trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia và còn hiệu lực Phiếu công bố thì được phép nhập khẩu vào Việt Nam”*. Quy định này dựa trên quy định mỹ phẩm thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện (cụ thể là theo hình thức “công bố tiêu chuẩn”). Trong khi đó, hiện nay dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 69/2018/NĐ-CP dự kiến bỏ mỹ phẩm ra khỏi danh mục hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Công Thương để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

b) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh sửa điểm c khoản 2 Điều 23 dự thảo Nghị định thành: *“Hàng hóa phục vụ nhu cầu cá nhân có thân phận ngoại giao”*; điểm d khoản 2 Điều 23 dự thảo Nghị định thành: *“Nhập khẩu mỹ phẩm là quà biếu, quà tặng, hành lý cá nhân của người nhập cảnh”* để bảo đảm thống nhất với các thuật ngữ đã được quy định theo pháp luật về quản lý ngoại thương.

2.4. Liên quan đến pháp luật về phí, lệ phí

Khoản 1 Điều 43 dự thảo Nghị định quy định: *“Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế xây dựng, trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí thuộc lĩnh vực mỹ phẩm”*. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 19 Luật Phí và lệ phí đã giao Bộ Tài chính có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc *“Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí”*. Do đó, quy định như tại khoản 1 Điều 43 dự

thảo Nghị định nêu trên là không cần thiết và chưa phù hợp với Luật Phí và lệ phí. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bỏ quy định này.

2.5. Liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa

Đề nghị rà soát nội dung Điều 27 dự thảo Nghị định để thống nhất với quy định của Nghị định quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa về nhãn hàng hóa. Ví dụ: điểm g khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định chưa chi tiết bằng quy định ghi tên và địa chỉ “*tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa*” tại Điều 44 dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. Ngoài ra, nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn cũng chưa thống nhất giữa khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị định với STT 14 Phụ lục I dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

2.6. Về một số nội dung khác

a) Khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: “*Đối với sản phẩm mỹ phẩm quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định này, cơ sở công bố phải nộp Phiếu kết quả kiểm nghiệm của một lô sản phẩm mỹ phẩm trong hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm theo quy định tại Điều 13 Nghị định này*”. Về quy định này, một số thành viên Hội đồng thẩm định đại diện cho doanh nghiệp⁴ có ý kiến và đề nghị bỏ yêu cầu nộp Kết quả thử nghiệm lô sản phẩm trong hồ sơ công bố với các lý do như: “*không phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh của ngành mỹ phẩm*”; “*Dự thảo đưa ra mô hình công bố phức tạp, là sự kết hợp giữa các yêu cầu của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN và công bố hợp chuẩn theo Luật Chất lượng và Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật. Điều này dẫn đến việc các doanh nghiệp mỹ phẩm tại Việt Nam phải nộp hồ sơ công bố nhiều hơn so với các nước khác trong khu vực ASEAN và trên thế giới, khi vừa phải nộp CFS, GMP, vừa phải nộp phiếu kết quả kiểm nghiệm khi công bố mỹ phẩm, và nộp hồ sơ PIF để kiểm tra sau công bố (đối với mỹ phẩm nhóm 2)*”; “*phiếu kết quả kiểm nghiệm cũng là một thành phần của hồ sơ thông tin sản phẩm (PIF) mà sản phẩm nhóm 2 phải nộp khi kiểm tra hồ sơ PIF sau công bố*”; “*có thể làm gia*

⁴ Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam, Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam.

tăng đáng kể về yêu cầu hồ sơ, dẫn đến gánh nặng công việc hành chính cho doanh nghiệp cũng như chi phí tuân thủ đáng kể, bao gồm chi phí chuẩn bị và quản lý hồ sơ, bổ sung nhân sự cũng như các khoản phí tư vấn cần thiết để đảm bảo tuân thủ các quy định phức tạp này”. Theo cơ quan chủ trì soạn thảo, quy định nêu trên “nhằm xác định các loại giấy tờ pháp lý cần thiết để chứng minh tính hợp pháp, an toàn và chất lượng của sản phẩm trước khi được Phiếu công bố” (trang 13-14 Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định với quy định pháp luật hiện hành). Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục khẳng định, quy định như dự thảo Nghị định là cần thiết, các sản phẩm mỹ phẩm đều có tiêu chuẩn chất lượng và phải đạt chất lượng mới đưa ra thị trường và không phải tất cả các lô sản phẩm đều phải có phiếu kiểm nghiệm; đồng thời, quy định này cũng không làm tăng chi phí kiểm nghiệm của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để có căn cứ, cơ sở trình Chính phủ xem xét, quyết định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, giải trình rõ hơn vấn đề này tại Tờ trình Chính phủ.

b) Điểm b khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định: “Đăng tải Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm có số tiếp nhận của cơ quan tiếp nhận và hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm trên Hệ thống điện tử quản lý mỹ phẩm đối với hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm nộp kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028”. Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam đề nghị bỏ điều khoản đăng tải công khai trên Hệ thống điện tử quản lý mỹ phẩm, đồng thời làm rõ việc đăng tải hồ sơ công bố mỹ phẩm, bao gồm các thành phần tài liệu đính kèm cho cơ quan chức năng và người có thẩm quyền vì quy định này có thể liên quan đến nhiều thông tin bí mật kinh doanh như Tiêu chuẩn chất lượng, CFS, CGMP, giấy ủy quyền. Để đảm bảo tính khả thi, phù hợp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu ý kiến nêu trên và hoàn thiện dự thảo Nghị định cho phù hợp.

c) Điểm c khoản 2 Điều 17 và khoản 2 Điều 18 dự thảo Nghị định quy định về cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm trong trường hợp “Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm nhưng bị thu hồi theo quy định tại khoản 5 Điều này”. Trong khi đó, khoản 5 Điều này quy định các trường hợp bị thu hồi khác nhau, như: “d) Cơ sở sản xuất sản phẩm mỹ phẩm mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận là hàng giả. đ) Cơ sở sản xuất có từ 02 lô sản phẩm mỹ phẩm trở lên bị thu hồi trong thời hạn 12 tháng theo quy định tại điểm c, d, đ, e, h, i và m khoản 1 Điều 36 Nghị định này. e) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm được cấp nhưng không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật. g) Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm có sử dụng tài liệu giả, con dấu giả, chữ ký giả”. Như vậy, với một số trường hợp bị thu hồi do vi phạm pháp luật như điểm d, e và g nêu trên vẫn được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ

phẩm mà không có quy định ràng buộc hoặc hạn chế về thời hạn được xem xét cấp Giấy chứng nhận thì có phù hợp hay không? Bên cạnh đó, có trường hợp bị thu hồi do Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm được cấp không đúng thẩm quyền không xuất phát từ lỗi của doanh nghiệp nhưng lại yêu cầu cơ sở sản xuất mỹ phẩm phải làm đơn và hồ sơ yêu cầu cấp lại? Do đó, để đảm bảo tính khả thi, hợp lý, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, đối với trường hợp vi phạm pháp luật cần quy định chặt chẽ việc cấp lại Giấy chứng nhận cho các trường hợp này (chỉ cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở này sau khi hết thời hạn nhất định và đã khắc phục vi phạm), bảo đảm đủ sức răn đe, ngăn ngừa vi phạm pháp luật, tránh tình trạng lợi dụng; trường hợp Giấy chứng nhận được cấp không xuất phát từ lỗi của doanh nghiệp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa theo hướng không yêu cầu cơ sở phải làm hồ sơ đề nghị cấp lại đối với trường hợp này.

d) Khoản 2 Điều 32 dự thảo Nghị định quy định: “*Đối với sản phẩm mỹ phẩm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định này (sau đây gọi là Nhóm 2), kiểm tra hồ sơ công bố với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và kiểm tra các tài liệu trong hồ sơ PIF của sản phẩm mỹ phẩm (ngôn ngữ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này) như sau: a) Phiếu kiểm nghiệm phải đáp ứng quy định tại Điều 13 Nghị định này; b) Nhãn, bao bì của sản phẩm phải đáp ứng quy định tại Điều 27 Nghị định này; c) Quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng đáp ứng CGMP; d) Báo cáo đánh giá an toàn của sản phẩm; đ) Báo cáo tính năng, công dụng của sản phẩm; e) Báo cáo và kết quả nghiên cứu độ ổn định của sản phẩm*”. Quy định này có thể gây ra cách hiểu, cùng 01 loại giấy tờ nhưng yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp ở cả 02 thủ tục, như: doanh nghiệp phải cung cấp Phiếu kiểm nghiệm khi nộp hồ sơ công bố và cả khi cơ quan nhà nước kiểm tra hồ sơ sau công bố sản phẩm mỹ phẩm. Bên cạnh đó, tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, một số Thành viên hội đồng⁵ cũng có ý kiến, quy định này không chỉ phát sinh thêm thủ tục hành chính mà còn tạo gánh nặng rất lớn cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Do đó, để đảm bảo tính khả thi, phù hợp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp.

đ) Điểm d khoản 5 Điều 32 dự thảo Nghị định về trình tự xử lý khi hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm thuộc nhóm 1 không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này quy định: “*Trường hợp giải trình không đạt hoặc không cung cấp thành phần tài liệu trong PIF theo quy định hoặc thành phần tài liệu trong PIF không đáp ứng quy định thì áp dụng biện pháp thu hồi sản phẩm, thu hồi số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Nghị định này và xử phạt theo quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính*”. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều này thì chỉ có mỹ phẩm nhóm 2 phải nộp hồ sơ PIF trong bước

⁵ Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Tinh dầu, Hương liệu và Mỹ phẩm Việt Nam, Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam.

kiểm tra sau công bố. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại quy định nêu trên cho chính xác.

e) Điều 50 dự thảo Nghị định quy định về lộ trình thực hiện thủ tục công bố sản phẩm mỹ phẩm, gia hạn hiệu lực Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm, thay đổi thông tin sản phẩm mỹ phẩm đã được công bố và ghi nhãn sản phẩm mỹ phẩm (thực hiện từ ngày 01/01/2028). Để đảm bảo tính khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát giải trình, làm rõ hơn căn cứ, cơ sở đề xuất lộ trình thực hiện như dự thảo Nghị định. Ví dụ: khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định: *“Phiếu kết quả kiểm nghiệm sản phẩm gồm giới hạn kim loại nặng, vi sinh vật, **tạp chất dạng vết** trong sản phẩm mỹ phẩm quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này và các chỉ tiêu khác có trong tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm và được cấp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ”*. Tuy nhiên, Điều 50 dự thảo Nghị định chưa có quy định áp dụng đối với các tạp chất dạng vết này. Theo ý kiến của đại diện Công ty cổ phần Sao Thái Dương tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, cần có lộ trình để các viện kiểm nghiệm, trung tâm, phòng kiểm nghiệm tại Việt Nam có thể kịp chuẩn hoá phương pháp, học hỏi và thực hiện được quy định này, trên cơ sở đó, đề nghị bổ sung quy định theo hướng *“Yêu cầu về chỉ tiêu tạp chất dạng vết quy định tại Điều 13 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028”*. Căn cứ ý kiến nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá và cân nhắc bổ sung cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam hiện nay.

g) Khoản 6 Điều 51 dự thảo Nghị định quy định: *“Đối với sản phẩm mỹ phẩm đã được công bố trước ngày 01 tháng 01 năm 2028 và cơ sở có nhu cầu tiếp tục lưu thông sản phẩm mỹ phẩm tại Việt Nam: Chậm nhất trước ngày 01 tháng 07 năm 2028, cơ sở công bố cập nhật toàn bộ hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm theo quy định tại Điều 5 Nghị định này trên Hệ thống điện tử quản lý mỹ phẩm. Cơ sở công bố chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cập nhật so với thông tin trong hồ sơ công bố trước đó”*. Về nội dung này, tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, có ý kiến đề nghị cho phép thời gian chuyển tiếp ít nhất một năm đối với thủ tục mới công bố và kiểm tra hồ sơ sau công bố theo Nghị định, nhằm giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần lên kế hoạch công bố sản phẩm ít nhất là một năm trước khi đưa sản phẩm ra thị trường. Việc áp dụng ngay lập tức các thủ tục mới có thể dẫn đến khó khăn trong thực hiện, và làm gián đoạn hoạt động kinh doanh. Có ý kiến đề nghị bỏ yêu cầu này vì các thông tin này cơ quan chức năng đã có trên hệ thống trước đây và doanh nghiệp đã nộp. Theo đó, cần áp dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước trong việc chia sẻ dữ liệu thông tin để hạn chế tổn kém nguồn lực của cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp⁶. Do đó, đề nghị cơ

⁶ Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam.

quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện cho phù hợp, tránh phát sinh chi phí tuân thủ không cần thiết cho doanh nghiệp.

2.7. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, quy định đầy đủ các điều khoản chuyển tiếp tại dự thảo Nghị định, tránh phát sinh, vướng mắc khi Nghị định được ban hành.

2.8. Dự thảo Nghị định có nhiều quy định mang tính chất kỹ thuật, kinh tế (như: Điều 5, Điều 6, Điều 11, Điều 14, Điều 23, Điều 24, Điều 27, Điều 32, Điều 36, Điều 39...). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, chuyên gia, người làm thực tiễn nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định, đảm bảo hợp lý, khả thi. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kết quả đánh giá, tổng kết quá trình thi hành Nghị định số 93/2016/NĐ-CP và Thông tư số 06/2011/TT-BYT để xác định đúng, đầy đủ các khó khăn, vướng mắc (do quy định pháp luật, do tổ chức thi hành, hay do cả hai), từ đó xử lý tối đa tại dự thảo Nghị định (nếu thuộc thẩm quyền của Chính phủ).

2.9. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định để bổ sung quy định về cơ chế “hậu kiểm”, giám sát, kiểm tra, tránh lạm dụng (nếu có) và bảo đảm chống lãng phí, tiêu cực.

IV. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; nguồn tài chính; nguồn nhân lực

1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Theo Báo cáo số 1764/BC-BYT ngày 04/12/2025 của Bộ Y tế về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm (mục II.3, trang 16-18), “*Dự thảo Nghị định được xây dựng bảo đảm tính thống nhất pháp lý với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích liên quan đến dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này. Kết quả đánh giá cho thấy không có điều, khoản nào mâu thuẫn với Hiến pháp tức là không xuất hiện các xung đột pháp luật, không xung đột với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đối với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, xuất phát từ một trong các quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định là phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên cũng như bảo đảm tiếp cận tối đa các thông lệ quốc tế, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành trong đó có Bộ Ngoại giao, Bộ Y tế đã tiến hành rà soát, đối chiếu các chính sách mới đề xuất trong dự thảo Nghị định với...*”. Tại cuộc họp Hội

đồng thẩm định, đại diện Bộ Ngoại giao vắng mặt nhưng đã có ý kiến tại Công văn số 9555/BNG-NGKT ngày 31/12/2025, theo đó, khẳng định: “*Trong Báo cáo số 1764/BC-BYT ngày 04/12/2025 của Bộ Y tế về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định này, Bộ Y tế đã đánh giá dự thảo Nghị định “không xung đột với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”*”; không có ý kiến xác định nội dung dự thảo Nghị định có quy định không phù hợp cam kết quốc tế liên quan, trong đó có Hiệp định về hệ thống hòa hợp ASEAN trong quản lý mỹ phẩm. Tuy nhiên, liên quan đến vấn đề này, qua rà soát, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp có một số ý kiến như sau:

Thứ nhất, tại Báo cáo thẩm định số 462/BCTĐ-BTP, Bộ Tư pháp có ý kiến: “... để đảm bảo tính tương thích của dự thảo Nghị định với Hiệp định về hệ thống hòa hợp ASEAN, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ quy định về quản lý mỹ phẩm hiện nay của Việt Nam đã thực hiện được ở mức độ nào so với quy định của Hiệp định về hệ thống hòa hợp ASEAN trong quản lý mỹ phẩm? Quy định nào đã thực hiện, quy định nào cần thực hiện cho phù hợp với Hiệp định và quy định nào Việt Nam chưa thực hiện được so với Hiệp định?”. Theo Báo cáo số 1765/BC-BYT (trang 26), cơ quan chủ trì soạn thảo có nêu: “*Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và đã rà soát để bảo đảm tính tương thích của dự thảo Nghị định với Hiệp định về hệ thống hòa hợp ASEAN và làm rõ nội dung này tại dự thảo Tờ trình Chính phủ*”. Tuy nhiên, rà soát Tờ trình số 1767/TTr-BYT, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa thể hiện nội dung tiếp thu ý kiến thẩm định nêu trên của Bộ Tư pháp. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung cho đầy đủ.

Thứ hai, khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn mỹ phẩm, trong đó có “*tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm mỹ phẩm (tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn cơ sở)*”. Tuy nhiên, Mục C (Nội dung ghi nhãn mỹ phẩm) tại Quy định ASEAN về ghi nhãn mỹ phẩm tại Phụ lục II đi kèm Phụ lục B (Nghị định về mỹ phẩm của ASEAN) của Hiệp định về Hệ thống hoà hợp trong quản lý mỹ phẩm quy định về những nội dung phải ghi trên bao bì của sản phẩm mỹ phẩm không có nội dung nêu trên. Khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định nhãn sản phẩm mỹ phẩm bắt buộc phải thể hiện các nội dung, trong đó có: “*Tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm mỹ phẩm (tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn cơ sở)*”. Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam cũng đề nghị bỏ quy định này và cho rằng “*việc Việt Nam yêu cầu ghi “tiêu chuẩn chất lượng” tạo ra điểm khác biệt không cần thiết, đi ngược xu hướng hài hòa hóa quy định ASEAN và quốc tế*”. Do đó, để đảm bảo tính tương thích, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ thêm vấn đề này.

Thứ ba, Hiệp định về Hệ thống hoà hợp ASEAN trong quản lý mỹ phẩm (sau đây gọi là Hiệp định) được cấu thành bởi 02 văn bản là: (i) Thỏa thuận Công nhận lẫn nhau trong đăng ký mỹ phẩm (Thỏa thuận); (ii) Nghị định ASEAN về Mỹ phẩm (Nghị định). Theo đó, khoản 2 Điều 2 Hiệp định quy định: “*Các quốc gia thành viên có thể thực hiện Thỏa thuận Công nhận lẫn nhau trong đăng ký mỹ phẩm, với thời điểm có hiệu lực theo thỏa thuận giữa các quốc gia thành viên tán thành*”, tức Thỏa thuận không ràng buộc về mặt pháp lý. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 2 Hiệp định quy định: “*Các Quốc gia Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để thực hiện đầy đủ Nghị định mỹ Phẩm ASEAN từ 01/01/2008*”. Khoản 1 Điều 12 Nghị định cũng quy định: “*Các Quốc gia thành viên sẽ tiến hành những biện pháp thích hợp để thực hiện Nghị định này*”. Như vậy, đối với các nội dung tại Nghị định ASEAN về mỹ phẩm (yêu cầu về an toàn, danh mục các thành phần trong mỹ phẩm...) cần được các quốc gia thành viên ASEAN (trong đó có Việt Nam) tuân thủ. Do đó, Bộ Tư pháp cho rằng các quy định tại Nghị định ASEAN về mỹ phẩm là mức tối thiểu mà các quốc gia thành viên phải đáp ứng khi ký kết văn bản này. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Ngoại giao để rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định để bảo đảm tính tương thích của dự thảo Nghị định với các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên và khẳng định điều này tại Báo cáo rà soát.

2. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Quốc phòng⁷) chưa phát hiện dự thảo Nghị định có nội dung không bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục rà soát, bổ sung nội dung đánh giá về quốc phòng, an ninh tại Tờ trình Chính phủ (và chịu trách nhiệm về vấn đề này).

3. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực

Tại mục V.1 Tờ trình số 1767/TTr-BYT (trang 09), cơ quan chủ trì soạn thảo đã có đánh giá dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản, trong đó khẳng định nguồn lực về tài chính: “*Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương*”; “*Từ nguồn lực hợp pháp khác*”; “*Nguồn nhân lực để thực thi khi Nghị định được ban hành sẽ sử dụng nhân lực sẵn có tại các đơn vị, bảo đảm vấn đề về nguồn nhân lực, do đó không làm phát sinh thêm biên chế, tổ chức bộ máy mới của các cơ quan liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính...*”. Tuy nhiên, sau khi hoàn thiện dự thảo Nghị định theo Báo cáo thẩm định này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ đánh giá kỹ dự kiến nguồn lực, các điều kiện bảo đảm nguồn tài chính và

⁷ Bộ Công an vắng mặt tại cuộc họp Hội đồng thẩm định ngày 30/12/2025 (nhưng đã có ý kiến tham gia tại cuộc họp Hội đồng thẩm định ngày 22/9/2025).

nguồn nhân lực để thực hiện khả thi, thực chất, hiệu quả các quy định của dự thảo Nghị định.

V. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính; việc phân cấp; ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Liên quan đến sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, tại Báo cáo thẩm định số 462/BCTĐ-BTP, Bộ Tư pháp đã có ý kiến chi tiết, cụ thể. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện hoặc giải trình đầy đủ các ý kiến đã nêu tại Báo cáo thẩm định số 462/BCTĐ-BTP. Bên cạnh đó, trên cơ sở nghiên cứu dự thảo Nghị định và các tài liệu gửi kèm hồ sơ thẩm định nêu tại Công văn số 8806/BYT-QLD, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thêm một số vấn đề sau:

Thứ nhất, tại Tờ trình số 1767/TTr-BYT (trang 07-08), cơ quan chủ trì soạn thảo nêu: “*Hiện nay có 12 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực mỹ phẩm, tại dự thảo Nghị định cắt giảm 04 thủ tục hành chính về xác nhận nội dung quảng cáo (chiếm 33,3% số lượng thủ tục hành chính về mỹ phẩm), đơn giản hoá 04 thủ tục hành chính (chiếm 33,3% số lượng thủ tục hành chính về mỹ phẩm)*”, cụ thể: **(1) Cắt giảm 04 thủ tục hành chính** xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm mỹ phẩm: Cấp mới Giấy xác nhận nội dung quảng cáo; Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo (mất, hư hỏng); Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực; Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi thay đổi thông tin hành chính; **(2) Đơn giản hoá 04 thủ tục hành chính** và thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, xây dựng Hệ thống điện tử quản lý mỹ phẩm gồm: Thủ tục công bố sản phẩm mỹ phẩm (sản xuất trong nước và nhập khẩu); Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm; Thủ tục cấp CFS đối với sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu; Thủ tục gia hạn hiệu lực công bố sản phẩm mỹ phẩm.

Tuy nhiên, tại Bản đánh giá thủ tục hành chính (TTHC), việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo lại nêu: “*Dự thảo Nghị định quy định mới 01 TTHC: Thủ tục gia hạn hiệu lực công bố sản phẩm mỹ phẩm; quy định 01 TTHC được giữ nguyên: Thủ tục cấp CFS đối với sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu; sửa đổi, bổ sung 06 TTHC đã được quy định tại Nghị định số 93/2016/NĐ-CP..., Thông tư số 06/2011/TT-BYT..., Thông tư số 29/2020/TT-BYT, Thông tư số 34/2025/TT-BYT và đã được Bộ Y tế rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để tạo thuận lợi cho việc triển khai, thực hiện trên thực tế cũng như bảo*

đảm các yêu cầu về cải cách TTHC, cụ thể gồm: (i) Thủ tục công bố sản phẩm mỹ phẩm (trong nước và nhập khẩu); (ii) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm; (iii) Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm; (iv) Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm; (v) Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo đề nghị thu hồi của cơ sở sản xuất đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm; (vi) Thủ tục nhập khẩu mỹ phẩm để nghiên cứu, kiểm nghiệm...”

Như vậy, việc rà soát, đánh giá TTHC chưa có sự nhất quán giữa Tờ trình và Bản đánh giá TTHC. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo để có đánh giá thống nhất, chính xác về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính.

Thứ hai, khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định về việc đăng tải công khai thông tin sản phẩm mỹ phẩm đã được cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia; Hệ thống điện tử quản lý mỹ phẩm kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia theo lộ trình quy định tại khoản 4 Điều 50 dự thảo Nghị định. Về nội dung này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để rà soát, quy định cho thống nhất, phù hợp. Ví dụ: Nghiên cứu việc đăng tải công khai thông tin sản phẩm trên Cổng Dịch vụ công quốc gia có được không hay chỉ có thể trả kết quả TTHC qua Cổng Dịch vụ công quốc gia?

Thứ ba, Điều 7 dự thảo Nghị định quy định về thay đổi thông tin sản phẩm mỹ phẩm đã được công bố: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, xác định bổ sung TTHC này (do thủ tục này yêu cầu có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền), quy định đầy đủ bộ phận tạo thành TTHC này.

Thứ tư, đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm: tại Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 22/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Y tế năm 2025 đưa ra phương án đối với nhóm thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm (Mã TTHC: 1.003055); cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm (Mã TTHC: 1.003064); điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm (Mã TTHC: 1.003073), cụ thể: Đơn giản hóa điều kiện về nhân sự: “*người phụ trách sản xuất của cơ sở phải có kiến thức chuyên môn về một trong các ngành sau: hóa học, sinh học, dược học hoặc các chuyên ngành khác có liên quan đáp ứng yêu cầu của công việc*” như sau: “*Điều kiện về nhân sự: người phụ trách sản xuất của cơ sở phải có kiến thức chuyên môn về một trong các ngành sau: hóa học, sinh học, dược*

học”. Trong khi đó, tại điểm a khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định điều kiện: “*Người phụ trách sản xuất, người phụ trách chất lượng có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành sau: hóa học, sinh học, dược học*”. Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đề nghị giải trình rõ hơn về nội dung này.

Thứ năm, tại Điều 29 dự thảo Nghị định về yêu cầu đối với hồ sơ thực hiện trực tuyến, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo liệt kê đầy đủ tên các TTHC được quy định tại Nghị định. Bên cạnh đó, quy định “*Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy*” là không phù hợp với nguyên tắc giá trị pháp lý của bản điện tử bằng bản giấy; làm tăng chi phí tuân thủ khi phải chuyển bản giấy sang bản điện tử. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp.

Thứ sáu, ngày 15/11/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026. Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP về nguyên tắc cắt giảm, đơn giản hóa, “*Việc thay thế hoặc cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính được thực hiện theo mức độ đáp ứng việc khai thác, sử dụng của các cơ sở dữ liệu; không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính mà các thông tin trong thành phần hồ sơ đã có dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố*”; “*Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính*”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ quy định về hồ sơ TTHC tại dự thảo Nghị định (ví dụ: điểm b khoản 2 Điều 24), theo đó, đối với những thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu thì không yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp trong thành phần giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP.

Thứ bảy, dự thảo Nghị định quy định 17 Phụ lục với nhiều mẫu biểu kèm theo. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện các Phụ lục, bảng biểu kèm theo dự thảo Nghị định để đảm bảo hợp lý, khả thi.

2. Về việc phân cấp

Tại Tờ trình số 1767/TTr-BYT (trang 08), cơ quan chủ trì soạn thảo có nêu: “*Phân cấp toàn bộ việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo lộ trình quy định tại Điều 50 và 51 dự thảo Nghị định...*”. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Nội vụ đánh giá kỹ về việc phân cấp tại dự thảo Nghị định, đảm bảo

phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước có liên quan đến phân cấp, đảm bảo phân cấp tối đa theo yêu cầu của Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025; phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hoàn thiện Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đảm bảo đúng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ không có ý kiến cụ thể về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Nghị định. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát và bổ sung nội dung đánh giá về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Tờ trình Chính phủ hoặc Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm thực hiện tối đa chuyển đổi số trong các TTHC để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

VI. Về ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo Nghị định

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý nội dung dự thảo Nghị định cho chính xác, rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất; đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị định

2.1. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành ban hành Chương trình công tác năm 2025, Bộ Y tế đã tổng kết thực hiện Nghị định số 93/2016/NĐ-CP và Thông tư số 06/2011/TT-BYT, nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định; tổ chức họp lấy ý kiến các bộ, ngành có liên quan; gửi các cơ quan, đơn vị để xin ý kiến góp ý các cơ quan, đơn vị về hồ sơ dự thảo Nghị định. Trên cơ sở đó, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Ngày 03/10/2025, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 462/BCTĐ-BTP thẩm định dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm gửi Bộ Y tế. Trên cơ sở ý

kiến thẩm định của Bộ Tư pháp nêu tại Báo cáo số 462/BCTĐ-BTP, Bộ Y tế có Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định này (Báo cáo số 1765/BC-BYT ngày 04/12/2025). Ngày 04/12/2025, Bộ Y tế đã có Tờ trình Chính phủ số 1767/TTr-BYT về dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm. Trên cơ sở Tờ trình số 1767/TTr-BYT, ngày 11/12/2025, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 12304/VPCP-KGVX về dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm, trong đó Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long có ý kiến: *“Bộ Y tế gửi Bộ Tư pháp hồ sơ Dự thảo Nghị định về quản lý mỹ phẩm để tổ chức thẩm định lại theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”*. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long, Bộ Y tế đã có Công văn số 8806/BYT-QLD ngày 16/12/2025 đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định lại dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm. Tại Tờ trình số 1767/TTr-BYT (trang 03-04)), cơ quan chủ trì soạn thảo cũng khẳng định: *“đã tổ chức lấy ý kiến của các bộ, cơ quan (trong đó có Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ), địa phương, đối tượng chịu tác động trực tiếp, tham vấn TBT; lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo đúng quy định”*. Theo thông tin cung cấp tại hồ sơ gửi thẩm định và cuộc họp Hội đồng thẩm định, trình tự, thủ tục xây dựng Nghị định đã bảo đảm theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2.2. Hồ sơ dự thảo Nghị định gửi thẩm định bao gồm: (1) Tờ trình số 1767/TTr-BYT; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (4) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (7) Báo cáo số 462/BCTĐ-BTP ngày 03/10/2025 của Bộ Tư pháp về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định; (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định; (9) Bản sao công văn góp ý của các bộ ngành, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (10) Dự thảo 02 Thông tư hướng dẫn Nghị định. Hồ sơ dự thảo Nghị định đầy đủ thành phần theo Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện thêm một số vấn đề sau:

(i) Về Tờ trình: đề nghị hoàn thiện nội dung quy định tại Điều 6 và Mẫu số 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), trong đó lưu ý bổ sung nội dung “*nêu rõ: việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp; vướng mắc, bất cập từ thực tiễn; nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết*” theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này. Đồng thời, đề nghị hoàn thiện Tờ trình theo các nội dung góp ý ở trên. Đối với nội dung cần xin ý kiến Chính phủ, đề nghị rà soát, những nội dung đã thống nhất thì nên lược bỏ, chỉ xin những vấn đề chính sách lớn còn có ý kiến khác nhau.

(ii) Về Bảng so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung sửa đổi, bổ sung tại các tài liệu nêu trên cho thống nhất và bổ sung thuyết minh chi tiết, cụ thể, đầy đủ lý do điều chỉnh quy định hoặc bổ sung mới tại dự thảo Nghị định.

(iii) Về Bản đánh giá thủ tục hành chính (TTHC), việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dự thảo Nghị định: đề nghị rà soát, đảm bảo thống nhất với các nội dung đã nêu tại Tờ trình.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, chuyên gia, người làm thực tiễn hoàn thiện Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (bao gồm ý kiến tại cuộc họp Hội đồng thẩm định ngày 30/12/2025), đảm bảo đầy đủ, hợp lý, khả thi; từ đó tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

VIII. Kết luận

Căn cứ hồ sơ gửi thẩm định, ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp cho rằng, hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm (lần 2) cần tiếp tục hoàn thiện, trong đó: **(1)** chỉnh lý các nội dung dự thảo Nghị định bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; **(2)** Rà soát tổng thể nội dung dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp cam kết quốc tế và khẳng định rõ nội dung này tại Tờ trình; **(3)** Hoàn thiện điều kiện đầu tư kinh doanh, đảm bảo hợp lý, khả thi, minh bạch, cắt giảm chi phí tuân thủ, thủ tục hành chính; **(4)** hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 4 Điều 68) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (Điều 29) (như: hoàn thiện Tờ trình, giải trình rõ

lý do quy định; hoàn thiện Bảng so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định và lý do điều chỉnh phải rõ ràng, chính xác, đầy đủ; rà soát Bản đánh giá thủ tục hành chính cho phù hợp với Tờ trình...). Trong trường hợp đó, hồ sơ dự thảo Nghị định mới đủ điều kiện trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định quy định về quản lý mỹ phẩm (lần 2), xin gửi Bộ Y tế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ CTXDVBQPPL (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (LĐAS&TH, Lam).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Tú